

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên trình độ đại học,
hình thức đào tạo chính quy học kỳ II, năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng; Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 06/5/2024, Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 03/3/2025 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 03/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên; Thông tư 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-ĐHSP ngày 20/6/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập, học bổng ngoài ngân sách cho sinh viên trình độ đào tạo đại học, hình thức đào tạo chính quy;

Căn cứ danh sách đề nghị của Ban Chủ nhiệm các khoa về việc xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên học kỳ II, năm học 2024 - 2025 thuộc khóa tuyển sinh 2021;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ II năm học 2024 - 2025 của sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý người học - Thư viện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2024 - 2025 cho 279 sinh viên trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy (danh sách kèm theo).

Điều 2. Định mức kinh phí học bổng khuyến khích học tập được cấp theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, QLNH-TV.

phm

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Handwritten signature

TS. Đinh Thị Mỹ Hạnh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỆ CHÍNH QUY, HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 2046/QĐ-ĐHSP, ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập			Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm 4						
1	Sư phạm Toán học	3110121026	Nguyễn Minh Thiện	21ST1	9.70	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
2	Sư phạm Toán học	3110121087	Mai Khánh Linh	21ST2	9.70	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
3	Sư phạm Toán học	3110121142	Nguyễn Xuân Trúc	21ST2	9.96	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
4	Sư phạm Toán học	3110122025	Lê Viết Hoàng	22ST1	9.39	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
5	Sư phạm Toán học	3110122028	Nguyễn Viết Phan Hùng	22ST1	9.37	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
6	Sư phạm Toán học	3110122067	Nguyễn Thị Minh Phương	22ST1	9.35	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
7	Sư phạm Toán học	3110123072	Nguyễn Thị Ly Nơ	23ST1	9.47	4.00	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
8	Sư phạm Toán học	3110123021	Lê Thị Thủy Hà	23ST2	9.50	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
9	Sư phạm Toán học	3110123070	Nguyễn Bảo Nhi	23ST2	9.55	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
10	Sư phạm Toán học	3110124015	Phạm Thị Mỹ Duyên	24ST1	9.59	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
11	Sư phạm Toán học	3110124069	Trần Thị Hạnh Thục	24ST1	9.54	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
12	Khoa học dữ liệu	3110524008	Đoàn Nguyễn Dương	24CKDL	8.41	3.58	100.00	Giỏi	Xuất sắc	Xuất sắc	Giỏi	9,750,000	V
13	Sư phạm Tin học	3120121036	Nguyễn Đình Toàn	21SPT	9.32	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
14	Sư phạm Tin học	3120122025	Trần Thiện Tâm	22SPT	8.90	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
15	Sư phạm Tin học	3120123022	Hồih Nghiệp	23SPT	8.81	3.86	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
16	Sư phạm Tin học	3120124016	Trần Đỗ Hồng Ngọc	24SPT	8.75	3.78	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
17	Công nghệ thông tin	3120221265	Thương Vĩnh Quý	21CNTT1	8.50	3.75	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
18	Công nghệ thông tin	3120221109	Lê Thị Trang	21CNTT2	9.65	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
19	Công nghệ thông tin	3120221079	Nguyễn Văn Phước	21CNTT3	9.05	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
20	Công nghệ thông tin	3120221097	Lê Thị Anh Thư	21CNTT3	9.00	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
21	Công nghệ thông tin	3120221410	Đỗ Ngọc Quang Luân	21CNTT4	8.95	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
22	Công nghệ thông tin	3120222039	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	22CNTT2	8.36	3.62	80.00	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	9,750,000	V
23	Công nghệ thông tin	3120222098	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	22CNTT2	8.69	3.79	82.00	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	9,750,000	V
24	Công nghệ thông tin	3120222115	Trần Thị Tuyết Sang	22CNTT2	8.38	3.59	90.00	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	9,750,000	V
25	Công nghệ thông tin	3120222135	Nguyễn Hữu Tín	22CNTT2	9.15	3.91	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
26	Công nghệ thông tin	3120222150	Phan Thị Thực Uyên	22CNTT2	8.07	3.53	82.00	Giỏi	Tốt	Giỏi	9,750,000	V
27	Công nghệ thông tin	3120223028	Trần Quốc Đạt	23CNTT1	8.96	3.95	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
28	Công nghệ thông tin	3120223034	Trần Hữu Đức	23CNTT2	8.40	3.69	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
29	Công nghệ thông tin	3120223064	Luyện Ngọc Lâm Hoan	23CNTT2	8.63	3.86	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
30	Công nghệ thông tin	3120223018	Hà Thị Châm	23CNTT3	8.79	3.80	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
31	Công nghệ thông tin	3120223096	Tạ Hồ Thanh Khương	23CNTT3	9.26	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
32	Công nghệ thông tin	3120223184	Trần Công Thành	23CNTT3	8.96	3.78	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
33	Công nghệ thông tin	3120224071	Phan Thị Thanh Huyền	24CNTT1	8.32	3.50	88.00	Giỏi	Tốt	Giỏi	9,750,000	V
34	Công nghệ thông tin	3120224174	Huỳnh Phương Uyên	24CNTT1	8.08	3.48	87.00	Giỏi	Tốt	Giỏi	9,750,000	V
35	Công nghệ thông tin	3120224065	Đinh Trịnh Ngọc Hưng	24CNTT2	8.04	3.48	84.00	Giỏi	Tốt	Giỏi	9,750,000	V
36	Công nghệ thông tin	3120224087	Phạm Thị Phương Linh	24CNTT2	8.19	3.55	85.00	Giỏi	Tốt	Giỏi	9,750,000	V
37	Công nghệ thông tin	3120224100	Ngô Nguyễn Ngọc	24CNTT2	8.30	3.63	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
38	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)	3120221202	Nguyễn Thị Như Kiều	21CNTTC	8.75	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
39	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)	3120421016	Hà Minh Quân	21CNTTC	9.40	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	10,250,000	V
40	Sư phạm Vật lý	3130121097	Trương Văn Minh	21SVL1	9.72	4.00	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
41	Sư phạm Vật lý	3130121124	Nguyễn Nhật Uyên	21SVL1	9.76	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4					
42	Sư phạm Vật lý	3130122031	Nguyễn Thị Khánh	Linh	8.63	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
43	Sư phạm Vật lý	3130122054	Ngô Thanh	Trúc	8.74	3.81	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
44	Sư phạm Vật lý	3130123006	Nguyễn Thị Thu	Hà	9.43	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
45	Sư phạm Vật lý	3130124001	Phạm Văn	Anh	9.09	3.92	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
46	Vật lý kỹ thuật	3130322006	Đặng Vĩ	Thái	8.80	3.85	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
47	Vật lý kỹ thuật	3130323004	Bùi Quang	Hải	7.93	3.24	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	9,050,000	IV
48	Vật lý kỹ thuật	3130324027	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	7.48	3.00	Khá	Xuất sắc	Khá	8,550,000	IV
49	Sư phạm Hóa học	3140121053	Nguyễn Thị	Thủy	9.82	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
50	Sư phạm Hóa học	3140122001	Nguyễn Hữu	An	9.41	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
51	Sư phạm Hóa học	3140122046	Hồ Thị Minh	Thư	9.08	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
52	Sư phạm Hóa học	3140123011	Nguyễn Trường Đăng	Nguyễn	8.90	3.94	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
53	Sư phạm Hóa học	3140124023	Lê Thị Yến	Vy	9.13	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
54	Hóa dược	3140321065	Sử Trần Diệu	An	9.72	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
55	Hóa dược	3140322024	Phạm Thị Thảo	Nguyễn	8.85	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
56	Hóa dược	3140323042	Đặng Ngọc	Tiến	8.47	3.65	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
57	Hóa dược	3140324040	Nguyễn Võ Quốc	Thái	8.58	3.82	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
58	Hóa dược	3140324051	Phan Thị Tuyết	Trang	8.84	3.88	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
59	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721133	Nguyễn Thị	Nhi	9.70	4.00	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	8,450,000	I
60	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721112	Lê Hồ Diệu	Huyền	9.74	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
61	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140721152	Lương Hữu Anh	Thư	9.82	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
62	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722043	Nguyễn Thị Thùy	Linh	9.24	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
63	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722073	Trần Thị Quỳnh	Như	9.43	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
64	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140722104	Nguyễn Hồ Anh	Tiến	9.18	4.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
65	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723099	Nguyễn Trần Thị Ngọc Thùy	23SKT1	9.02	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
66	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723032	Nguyễn Chí Khoa	23SKT2	9.17	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
67	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140723093	Nguyễn Hoàng Thiện	23SKT2	9.02	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
68	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140724008	Trần Thị Bích	24SKT1	8.79	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
69	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140724049	Trần Thị Thùy Linh	24SKT1	8.96	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
70	Sư phạm Khoa học tự nhiên	3140724059	Nguyễn Thị Ngọc	24SKT1	9.06	3.89	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
71	Sư phạm Sinh học	3150121014	Trần Thị Ngọc Ly	21SS	9.60	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
72	Sư phạm Sinh học	3150122006	Phạm Thị Diễm	22SS	9.15	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
73	Sư phạm Sinh học	3150123038	Phạm Thùy Trâm	23SS	8.40	3.71	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
74	Sư phạm Sinh học	3150124012	Lê Nguyễn Khánh Ngọc	24SS	9.14	4.00	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
75	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150321047	Huỳnh Thị Thu Hà	21CTM	9.16	4.00	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
76	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150322007	Nguyễn Thị Hòa My	22CTM	7.98	3.18	91.00	Khá	Xuất sắc	Khá	8,450,000	VII
77	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150323014	Trịnh Thị Như Ý	23CTM	8.50	3.77	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
78	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	3150324023	Nguyễn Thị Quỳnh Oanh	24CTM	7.99	3.36	87.00	Giỏi	Tốt	Giỏi	8,950,000	VII
79	Công nghệ sinh học	3150421071	Nguyễn Hoài Ngọc	21CNSH	9.26	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
80	Công nghệ sinh học	3150422011	Trần Thanh Hiếu	22CNSH	8.72	3.90	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,550,000	IV
81	Công nghệ sinh học	3150423011	Nguyễn Ngô Ngọc Huy	23CNSH	8.24	3.55	94.00	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	9,050,000	IV
82	Công nghệ sinh học	3150424042	Phạm Kiều Thanh	24CNSH	8.41	3.68	88.00	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	9,050,000	IV
83	Giáo dục Chính trị	3160121041	Hồ Thị Hoàng Phi	21SGC	9.48	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
84	Giáo dục Chính trị	3160122020	Lê Thanh Mai Phương	22SGC	8.72	3.84	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
85	Giáo dục Chính trị	3160123023	Hà Tú Uyên	23SGC	8.67	3.93	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
86	Giáo dục Chính trị	3160124005	Lê Đăng Thu Hà	24SGC	8.71	3.87	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
87	Sư phạm Âm nhạc	3160421001	Nguyễn Hoàng Thiên Ân	21SAN	9.90	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
88	Sư phạm Âm nhạc	3160422002	Ngô Võ Hải Anh	22SAN	9.35	4.00	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
89	Sư phạm Âm nhạc	3160422003	Phạm Thị Minh Anh	22SAN	9.09	3.91	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
90	Sư phạm Âm nhạc	3240423008	Trần Đình Đồng	23SAN	9.16	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
91	Sư phạm Âm nhạc	3240423052	Lê Thị Thanh Thu	23SAN	9.19	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
92	Sư phạm Âm nhạc	3160424020	H Su Ra Eya	24SAN1	9.13	3.90	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
93	Sư phạm Âm nhạc	3160424047	Dương Bảo Ngọc	24SAN1	9.13	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
94	Giáo dục Công dân	3160521029	Nguyễn Tấn Đạt	21SCD	9.52	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
95	Giáo dục Công dân	3160522005	Mai Thị Ngọc Bích	22SCD	9.34	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
96	Giáo dục Công dân	3160523044	Đoàn Thị Hồng Tươi	23SCD	9.08	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
97	Giáo dục Công dân	3160524007	Bùi Thị Anh Đào	24SCD	8.87	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
98	Giáo dục Thể chất	3160621029	Nguyễn Thị Thanh Phương	21SGT	9.66	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
99	Giáo dục Thể chất	3160622015	Phạm Thanh Huyền	22SGT	9.09	3.88	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
100	Giáo dục Thể chất	3240623033	Arát Vũ Đức Long	23SGT	8.68	3.82	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
101	Giáo dục Thể chất	3240623047	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	23SGT	8.70	3.79	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
102	Giáo dục Thể chất	3160624042	Huỳnh Trần Như Uyên	24SGT	8.40	3.59	96.00	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	8,450,000	I
103	Sư phạm Ngữ văn	3170121020	Châu Mỹ Linh	21SNV1	9.78	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
104	Sư phạm Ngữ văn	3170121157	Tạ Ý Nhi	21SNV1	9.82	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
105	Sư phạm Ngữ văn	3170121048	Lê Hồng Bảo Trinh	21SNV3	10.00	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
106	Sư phạm Ngữ văn	3170121182	Trần Phương Thảo	21SNV3	9.88	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
107	Sư phạm Ngữ văn	3170122015	Trịnh Thị Thủy Đào	22SNV1	9.09	4.00	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
108	Sư phạm Ngữ văn	3170122107	Huỳnh Thị Bảo Trám	22SNV1	9.33	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
109	Sư phạm Ngữ văn	3170122116	Nguyễn Thị Thanh Vân	22SNV1	9.11	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
110	Sư phạm Ngữ văn	3170123074	Phan Thị Hồng Ngọc	23SNV2	9.00	3.90	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
111	Sư phạm Ngữ văn	3170123094	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	23SNV2	9.20	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
112	Sư phạm Ngữ văn	3170123116	Mai Phan Thùy	Trình	23SNV2	9.20	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
113	Sư phạm Ngữ văn	3170124061	Châu Ngọc	Quốc	24SNV2	9.19	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
114	Sư phạm Ngữ văn	3170124089	Trang Tường Trâm	Thuy	24SNV2	8.99	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
115	Văn học	3170221099	Nguyễn Châu Thùy	Trình	21CVH	9.87	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
116	Văn học	3170221138	Phạm Đặng Như	Quỳnh	21CVH	10.00	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
117	Văn học	3170222022	Trần Lương Thư	Giang	22CVH	8.39	3.67	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
118	Văn học	3170222042	Nguyễn Ngọc	Ngân	22CVH	8.27	3.58	88.00	Giỏi	Giỏi	8,950,000	VII
119	Văn học	3170223039	Đoàn Ngọc Yén	Nhi	23CVH	8.87	3.91	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
120	Văn học	3170223053	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23CVH	8.60	3.86	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
121	Văn học	3170224007	Trần Phúc	Công	24CVH	9.02	3.93	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
122	Văn học	3170224012	Phan Văn	Đồng	24CVH	8.57	3.75	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
123	Văn hóa học	3170321085	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21CVHH	10.00	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
124	Văn hóa học	3170322032	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22CVHH	9.08	3.89	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
125	Văn hóa học	3170323048	Lê Thị Quý	Tâm	23CVHH	8.83	3.93	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
126	Văn hóa học	3170324008	Phan Nguyễn Bảo	Chân	24CVHH	8.81	3.82	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
127	Văn hóa học	3170324048	Ngô Phan Như	Quỳnh	24CVHH	8.69	3.71	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
128	Báo chí	3170421110	Trần Thị Diễm	My	21CBC1	10.00	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
129	Báo chí	3170421251	Trần Nguyễn	Trang	21CBC1	10.00	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
130	Báo chí	3170421002	Phạm Thị Thanh	Bình	21CBC2	9.90	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
131	Báo chí	3170421016	Trần Bảo	Hân	21CBC2	10.00	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
132	Báo chí	3170422044	Châu Huệ	Mẫn	22CBC2	8.79	3.73	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
133	Báo chí	3170422047	Nguyễn Trần Khánh	Na	22CBC2	8.85	3.73	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
134	Báo chí	3170422107	Phạm Thị Hải Yến	22CBC2	8.66	3.73	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
135	Báo chí	3170423004	Nguyễn Thùy Phương Anh	23CBC1	9.04	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
136	Báo chí	3170423076	Nguyễn Mai Nhi	23CBC1	9.01	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
137	Báo chí	3170423103	Nguyễn Thị Thảo	23CBC1	9.00	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
138	Báo chí	3170423048	Lưu Ngọc Khuê	23CBC2	9.15	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
139	Báo chí	3170424072	Trương Nguyễn Ý Như	24CBC1	8.67	3.83	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
140	Báo chí	3170424049	Lưu Thị Huyền Mơ	24CBC2	8.75	3.86	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
141	Báo chí	3170424096	Nguyễn Thị Minh Thư	24CBC2	8.76	3.93	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
142	Quan hệ công chúng	3170724061	Trần Thị Ngọc Trâm	24CQCC	8.39	3.63	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
143	Quan hệ công chúng	3170724064	Bùi Ngọc Trung	24CQCC	8.98	3.92	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
144	Sư phạm Lịch sử	3180121045	Trần Ngọc Thìn	21SLS	10.00	4.00	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
145	Sư phạm Lịch sử	3180122047	Lê Thị Thảo	22SLS	8.35	3.80	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
146	Sư phạm Lịch sử	3180123007	Lê Nhật Huy	23SLS	9.15	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
147	Sư phạm Lịch sử	3180124015	Phạm Thị Hoài Trâm	24SLS	9.17	3.93	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
148	Văn hóa - Du lịch	3180221271	Lê Văn Thành Tín	21CVNH1	9.03	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
149	Văn hóa - Du lịch	3180221072	Trần Quỳnh Thuý Như	21CVNH2	9.83	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
150	Văn hóa - Du lịch	3180221169	Phạm Thị Ngọc Hòa	21CVNH2	9.67	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
151	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180222026	Võ Phạm Hà Giang	22CVNH1	8.46	3.56	92.00	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	8,950,000	VII
152	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180222044	Nguyễn Thái Minh La	22CVNH1	8.35	3.59	91.00	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	8,950,000	VII
153	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180222112	Hà Thị Thanh Thảo	22CVNH1	8.43	3.59	100.00	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	8,950,000	VII
154	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180222086	Nguyễn Thái Tâm Như	22CVNH2	8.41	3.59	85.00	Giỏi	Tốt	Giỏi	8,950,000	VII
155	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180223151	Lê Thùy Mỹ Ý	23CVNH1	9.20	3.90	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
156	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180223004	Trần Nguyễn Hoàng Anh	23CVNH2	9.07	3.93	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
157	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180223126	Đoàn Thị Ngọc Triều	23CVNH2	8.90	3.86	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
158	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180224105	Lê Thị Cẩm Tú	24CVNH1	8.84	3.81	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
159	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180224092	Hồ Thị Huyền Trâm	24CVNH2	8.59	3.76	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
160	Việt Nam học (Văn hóa - Du lịch)	3180224094	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	24CVNH2	8.70	3.84	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
161	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180521052	Trần Viết Lợi	21CLS	9.86	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
162	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180522031	Trần Ngô Trường Phúc	22CLS	8.15	3.43	98.00	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	8,950,000	VII
163	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180523012	Ngô Tuấn Phương Dung	23CLS	9.36	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
164	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180523065	Nguyễn Thu Trâm	23CLS	8.72	3.79	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
165	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180524055	Nguyễn Thị Hà Thu	24CLS	8.42	3.74	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
166	Lịch sử (Quan hệ Quốc tế)	3180524069	Phan Minh Vũ	24CLS	8.27	3.67	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
167	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180721077	Hóih Thị Mệnh	21SLD	9.80	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
168	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180721097	Trần Lê Đình Phương	21SLD	9.82	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
169	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180722041	Dương Thị Kim Loan	22SLD2	8.95	3.87	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
170	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180722052	Phạm Viết Văn Minh	22SLD2	8.95	3.87	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
171	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180723022	Nguyễn Thị Thu Hậu	23SLD1	8.68	3.93	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
172	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180723036	Lang Thị Khánh Lê	23SLD1	8.88	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
173	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180723064	Phan Thị Hoài Nhi	23SLD1	9.16	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
174	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180724003	Mai Thị Anh	24SLD1	8.37	3.75	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
175	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180724035	Trần Thị Kiều	24SLD1	8.74	3.82	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
176	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	3180724042	Văn Thị Trúc Ly	24SLD1	8.60	3.70	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
177	Sư phạm Địa lý	3190121064	Đinh Thanh Thảo	21SDL	9.64	4.00	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
178	Sư phạm Địa lý	3190122049	Đinh Thị Hoài Thu	22SDL	8.19	3.65	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
179	Sư phạm Địa lý	3190123048	Quách Thị Huyền Trang	23SDL	9.02	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
180	Sư phạm Địa lý	3190124003	Nguyễn Thị Thùy Dung	24SDL	8.93	3.91	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
181	Địa lý du lịch	3190421036	Hồ Thị Phương	21CDDL	9.58	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
182	Địa lý du lịch	3190422047	Phan Thị Kim Oanh	22CDDL	9.36	3.88	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
183	Địa lý du lịch	3190422069	Lê Thị Thùy	22CDDL	9.34	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
184	Địa lý du lịch	3190423029	Phạm Đăng Khôi	23CDDL	8.54	3.84	84.00	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	8,950,000	VII
185	Địa lý du lịch	3190423057	Hồ Thanh Sơn	23CDDL	8.74	3.81	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
186	Địa lý du lịch	3190424010	Lê Hoàng Gia Bảo	24CDDL	8.48	3.70	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
187	Địa lý du lịch	3190424045	Đoàn Văn Thành Nhân	24CDDL	8.51	3.60	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
188	Tâm lý học	3200221038	Triệu Hoài Kính	21CTL1	8.95	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
189	Tâm lý học	3200221020	Đào Thị Thùy Giang	21CTL2	9.20	4.00	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
190	Tâm lý học	3200222018	Nguyễn Thái Duy	22CTL	8.91	3.87	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
191	Tâm lý học	3200222078	Đặng Ngọc Thiên Thư	22CTL	8.97	3.87	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
192	Tâm lý học	3200223008	Trương Thảo Bình	23CTL1	8.81	3.95	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
193	Tâm lý học	3200223027	Huỳnh Ngọc Gia Hân	23CTL1	8.80	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
194	Tâm lý học	3200223104	Nguyễn Thị Mỹ Phương	23CTL1	8.89	3.95	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
195	Tâm lý học	3200224013	Nguyễn Thị Chính	24CTL2	9.22	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
196	Tâm lý học	3200224101	Lê Nguyễn Uyên Thư	24CTL2	9.24	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
197	Tâm lý học	3200224103	Trần Thị Anh Thư	24CTL2	9.13	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
198	Công tác xã hội	3200321098	Ngô Thị Thanh Thảo	21CTXH	9.45	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
199	Công tác xã hội	3200322019	Nguyễn Ngọc Huy	22CTXH	9.08	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
200	Công tác xã hội	3200323050	Ngô Thị Hồng Nhung	23CTXH	9.09	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
201	Công tác xã hội	3200323081	Võ Ngọc Hiền Trang	23CTXH	8.99	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
202	Công tác xã hội	3200324019	Vương Thị Thanh Huyền	24CTXH	8.57	3.75	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm	Thang điểm						
					10	4						
203	Công tác xã hội	3200324052	Nguyễn Thị Thúy	Sương	24CTXH	9.07	3.92	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
204	Tâm lý học (Chất lượng cao)	3200221270	Nguyễn Thị Thu	Trang	21CTLC	9.25	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	9,450,000	VII
205	Giáo dục Tiểu học	3220121108	Huỳnh Thị Thu	Luyến	21STH2	9.78	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
206	Giáo dục Tiểu học	3220121202	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	21STH2	9.94	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
207	Giáo dục Tiểu học	3220121374	Phạm Nam Hòa	Hai	21STH2	9.86	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
208	Giáo dục Tiểu học	3220121418	Hà Thúy	Hoài	21STH2	9.90	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
209	Giáo dục Tiểu học	3220121187	Lê Phương	Thảo	21STH3	9.82	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
210	Giáo dục Tiểu học	3220121483	Phan Đình Thùy	Linh	21STH3	9.90	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
211	Giáo dục Tiểu học	3220121016	Phan Thị Minh	Châu	21STH5	9.76	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
212	Giáo dục Tiểu học	3220121257	Hoàng	Anh	21STH5	9.76	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
213	Giáo dục Tiểu học	3220121664	Phùng Thị Diệu	Quỳnh	21STH6	9.82	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
214	Giáo dục Tiểu học	3220121727	Hồ Thị	Thương	21STH6	9.84	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
215	Giáo dục Tiểu học	3220121737	Hoàng Thị	Thùy	21STH6	9.82	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
216	Giáo dục Tiểu học	3220121010	Trần Văn	Anh	21STH7	9.76	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
217	Giáo dục Tiểu học	3220121020	Nguyễn Minh	Cường	21STH8	9.78	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
218	Giáo dục Tiểu học	3220121539	Lê Thị Minh	Ngân	21STH8	9.90	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
219	Giáo dục Tiểu học	3220121765	Phạm Thị Bích	Trâm	21STH8	9.76	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
220	Giáo dục Tiểu học	3220121049	Hứa Vũ	Hà	21STH9	9.86	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
221	Giáo dục Tiểu học	3220121646	Ngô Kim	Quỳnh	21STH9	9.82	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
222	Giáo dục Tiểu học	3220122298	Đỗ Thị Anh	Trình	22STH1	9.37	4.00	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
223	Giáo dục Tiểu học	3220122311	Ngô Thị Ánh	Tuyết	22STH2	9.15	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
224	Giáo dục Tiểu học	3220122077	Ngô Lê Mỹ	Hạnh	22STH4	9.15	4.00	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
225	Giáo dục Tiểu học	3220122111	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	22STH4	9.25	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
226	Giáo dục Tiểu học	3220122327	Trịnh Thị Hoàng Vy	22STH4	9.31	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
227	Giáo dục Tiểu học	3220122147	Hồ Thị Cẩm Ly	22STH6	9.19	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
228	Giáo dục Tiểu học	3220122220	Nguyễn Thị Thanh Phương	22STH6	9.33	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
229	Giáo dục Tiểu học	3220122317	Nguyễn Tường Uyên	22STH6	9.15	4.00	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
230	Giáo dục Tiểu học	3220123288	Hoàng Phương Oanh	23STH1	9.23	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
231	Giáo dục Tiểu học	3220123373	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	23STH1	9.12	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
232	Giáo dục Tiểu học	3220123038	Phạm Gia Châu	23STH2	9.15	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
233	Giáo dục Tiểu học	3220123039	Trần Thị Minh Châu	23STH2	9.24	4.00	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
234	Giáo dục Tiểu học	3220123135	Mai Ngọc Hương	23STH2	9.22	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
235	Giáo dục Tiểu học	3220123051	Phan Thị Thúy Diễm	23STH3	9.29	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
236	Giáo dục Tiểu học	3220123123	Đoàn Thị Ngọc Hoàn	23STH3	9.42	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
237	Giáo dục Tiểu học	3220123253	Dương Hoàng Lan Nhi	23STH3	9.36	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
238	Giáo dục Tiểu học	3220123402	Nguyễn Hồng Tú	23STH3	9.26	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
239	Giáo dục Tiểu học	3220123170	Đỗ Thị Mỹ Linh	23STH5	9.12	4.00	94.50	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
240	Giáo dục Tiểu học	3220123179	Nguyễn Khánh Linh	23STH5	9.16	4.00	97.50	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
241	Giáo dục Tiểu học	3220124001	Phan Minh Ân	24STH1	9.38	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
242	Giáo dục Tiểu học	3220124236	Trần Thị Thu Sang	24STH1	9.32	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
243	Giáo dục Tiểu học	3220124009	Nguyễn Phương Anh	24STH2	9.42	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
244	Giáo dục Tiểu học	3220124214	Ngô Thị Diễm Phúc	24STH2	9.48	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
245	Giáo dục Tiểu học	3220124246	Nguyễn Thị Diệu Thanh	24STH3	9.36	4.00	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
246	Giáo dục Tiểu học	3220124112	Trần Nguyễn Ngân Lê	24STH4	9.25	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
247	Giáo dục Tiểu học	3220124216	Nguyễn Thị Hà Phương	24STH4	9.55	4.00	94.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
248	Giáo dục Tiểu học	3220124283	Đoàn Thị Cẩm Tiên	24STH4	9.22	4.00	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
249	Giáo dục Tiểu học	3220124286	Nguyễn Thị Tiên	24STH7	9.29	4.00	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
250	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220221034	Lê Nguyễn Út	21STC	9.90	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
251	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220222008	Võ Thị Kim	22STC	9.08	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
252	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220222032	Nguyễn Lê Linh	22STC	9.08	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
253	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220223034	Đỗ Nguyễn Lê	23STC	8.46	3.83	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
254	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220223042	Võ Thị Huỳnh	23STC	8.64	3.81	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
255	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220224001	Phan Như Thành	24STC1	9.08	3.93	97.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
256	Sư phạm Tin học và Công nghệ Tiểu học	3220224008	Nguyễn Thư	24STC2	8.95	4.00	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
257	Giáo dục Mầm non	3230121004	Võ Minh	21SMN2	9.81	4.00	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
258	Giáo dục Mầm non	3230121017	Nguyễn Kiều	21SMN2	9.82	4.00	93.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
259	Giáo dục Mầm non	3230121140	Nguyễn Thị Như	21SMN2	9.84	4.00	88.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Giỏi	8,450,000	I
260	Giáo dục Mầm non	3230121189	Nguyễn Phan Phúc	21SMN2	9.81	4.00	87.00	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	8,450,000	I
261	Giáo dục Mầm non	3230121106	Đặng Thị Kim	21SMN3	9.88	4.00	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
262	Giáo dục Mầm non	3230121061	Châu Thị Hương	21SMN4	9.80	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
263	Giáo dục Mầm non	3230121098	Trần Thị Thu	21SMN4	9.80	4.00	100.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
264	Giáo dục Mầm non	3230122068	Lê Thị	22SMN2	9.05	3.84	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
265	Giáo dục Mầm non	3230122119	Nguyễn Thị Minh	22SMN2	8.82	3.74	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
266	Giáo dục Mầm non	3230122039	Dương Thị Thúy	22SMN3	8.65	3.74	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
267	Giáo dục Mầm non	3230122144	Hồ Thị Thanh	22SMN3	8.76	3.74	98.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
268	Giáo dục Mầm non	3230123007	Nguyễn Thị Ngọc	23SMN1	8.35	3.60	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
269	Giáo dục Mầm non	3230123009	Trần Thị Kim	23SMN3	8.66	3.68	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
270	Giáo dục Mầm non	3230123099	Hồ Thị Trúc	23SMN3	8.57	3.68	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
271	Giáo dục Mầm non	3230123163	Võ Ngọc Minh	23SMN4	8.66	3.70	99.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

TT	Ngành học	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập		Điểm rèn luyện	Xếp loại HT	Xếp loại RL	Xếp loại HB	Số tiền	Khối
					Thang điểm 10	Thang điểm 4						
272	Giáo dục Mầm non	3230123208	Nguyễn Hoài Vy	23SMN4	8.67	3.68	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
273	Giáo dục Mầm non	3230124017	Nguyễn Thị Minh Châu	24SMN1	8.49	3.73	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
274	Giáo dục Mầm non	3230124102	Phạm Thị Ly Na	24SMN1	8.34	3.60	90.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
275	Giáo dục Mầm non	3230124123	Võ Thị Hoài Nhi	24SMN1	8.26	3.60	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
276	Giáo dục Mầm non	3230124006	Nguyễn Thị Minh Anh	24SMN2	8.44	3.78	96.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
277	Giáo dục Mầm non	3230124083	Hồ Thị Cẩm Ly	24SMN2	8.42	3.60	92.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
278	Giáo dục Mầm non	3230124020	Nguyễn Thị Mai Chi	24SMN4	8.87	3.93	91.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I
279	Sư phạm Mỹ thuật	3240124004	Phạm Hồng Duyên	24SMT	8.78	3.86	95.00	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	8,950,000	I

Tổng cộng: (Bảng chữ: Hai tỷ năm trăm năm mươi chín triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)

Danh sách trên có 279 sinh viên.

2,559,450,000